TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 20-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Lò Văn Lịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoài Thu.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc *"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27/10/2022 của TAND huyện B, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐ-PT ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà A1, tổ dân phố B1, phường T, thành phố Đ tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà A2, tổ B2, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Lê Đình T, sinh năm 1960; địa chỉ: Văn phòng luật sư C, số nhà A3, tổ B3, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1977; Nơi công tác: Công ty Luật TNHH B - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ trụ sở: Số A4, đường H, phường G, quận B, thành phố Hà Nội (Có mặt).

- Bà Triệu Thị H; Nơi công tác: Văn phòng Luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên; địa chỉ: Tổ B4, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Quang M, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Mạnh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A5, phường Q, quận Đ1, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Tuấn H1 - sinh năm 1971; bà Trịnh Thị T1 - sinh năm 1993; bà Phạm Thị Thu H2; ông Nghiêm Quang T2 - sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Công ty Luật TNHH D, Số A5, phường Q, quận Đ1, thành phố Hà Nội (Ông T2 có có mặt; ông H1, bà T1, bà H2 vắng mặt không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, địa chỉ trụ sở: Số A6, phường C2, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T3 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tiết Văn T3: Ông Đỗ Quang H3 - chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện B.

Người đại diện ủy quyền của ông Đỗ Quang H3: Ông Lê H4 - Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh Agribank chi nhánh huyện B (Vắng mặt không có lý do).

- Ông Kiều Việt H5, sinh năm 1998; HKTT tại: Số nhà A1, tổ dân phố B1, phường T, thành phố Đ (Vắng mặt có lý do).

- Bà Lê Thị H6, sinh năm 1960; địa chỉ: Khối 6, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

- Ông Trương Đức Q; địa chỉ: tổ B5 phường P, quận Đ1, thành phố Hà Nội (Vắng mặt có lý do).

- Ông Kiều Văn T4, sinh năm 1976 và bà Kiều Thị K1, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Số nhà A7, ngõ D, đường L, xã Đ2, huyện T2, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1:

- Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1977; HKTT: phường L, quận M2, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: phường H1, quận C3, thành phố Hà Nội.

- Bà Đinh Thị S, sinh năm 1999; HKTT: Đội B6, thôn N1, xã Y, huyện P1, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ liên lạc: Khu đô thị M3, đường H2, phường M3, quận L1, Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, ông Phan Văn L - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Trương Quang M.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M kết hôn ngày 20/12/2007 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Tân Thanh, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Bà H và ông M kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ngày 08/01/2016, bà H khởi kiện xin ly hôn với ông M. Quá trình giải quyết, tại biên bản hòa giải ngày 21/01/2016, bà H và ông M đã thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M đều nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông M không có con chung.

Về tài sản riêng: Tài sản mang tên ai thì người đó được quyền quản lý, sử dụng.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự nguyên giải quyết, phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Đ đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/01/2016 và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2016.

Ngày 19/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thụ lý lại vụ án hôn nhân gia đình số 144/2017/TLST-HNGĐ về "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định giám đốc thẩm số 13/2017/HNGĐ-GĐT ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 02/11/2017, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 46/2017/TLST-HNGĐ về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định chuyển vụ án dân sự số 03/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 20/4/2018, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo đề nghị của ông Trương Quang M.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện B thông báo về việc thụ lý yêu cầu chia tài sản của ông M, bà H có ý kiến về tài sản và nợ như sau:

- *Tài sản riêng của bà Nguyễn Thúy H gồm có:*

+ Thửa đất số 61.2 (sau đây gọi tắt là thửa 61.2); tờ bản đồ 11; địa chỉ: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội; diện tích 1.032 m^2 được Ủy ban nhân dân thị xã T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 742503 ngày 28/12/2012, mang tên bà H. Nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng bằng tiền chuyển nhượng các tài sản có trước khi kết hôn với ông M bao gồm: 01 thửa đất tại thị trấn M1 chuyển được 85 triệu đồng, 01 thửa đất tại phường T, thành phố Đ chuyển nhượng

được 300 triệu đồng, tiền chị gái chồng trước của bà H trả do năm 2004 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng đất của chị chồng nhưng không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất được giá chị chồng đã bán thửa đất này cho người khác và trả lại tiền số tiền 1,1 tỷ cho bà H vào tháng 5/2011 khi bà H đã kết hôn với ông M được 03 năm. Mảnh đất này ngày 22/7/2016 bà H đã tặng cho con trai là Kiều Việt Hưng theo hợp đồng tặng cho số 2463/2016 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/7/2016 (BL 332)

+ Xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99, ngày 08/8/2012 bà H có vay của bà Lê Thị H6 trú tại khối 6, thị trấn M1, huyện M1 số tiền 500.000.000 đồng để mua chiếc xe ô tô nêu trên, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,5 %/tháng thời hạn vay là 02 năm (từ 08/8/2012 đến 08/8/2014), nếu đến thời hạn nêu trên bà H không trả được tiền gốc và lãi thì bà H sẽ phải giao ô tô cho bà H6 để trừ vào khoản nợ đã vay. Bà H đã nhượng lại chiếc xe ô tô cho bà H6. Bà H đề nghị Tòa án công nhận đây là tài sản của bà H6.

- *Tài sản chung của bà H, ông M gồm:*

+ Thửa đất số 1663 (sau đây gọi tắt là thửa 1663), tờ bản đồ 361-e diện tích 456,5 m2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 407814 được UBND huyện B cấp ngày 01/9/2010 mang tên Trương Quang M và Nguyễn Thúy H. Trên đất có 01 nhà sàn gỗ 05 gian, 01 nhà bếp 02 gian; 01 nhà kho xây cấp 4.

+ Thửa đất số 1664 (sau đấy gọi tắt là thửa 1664), tờ bản đồ 361-e diện tích 50,5 m^2 đất ở; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ). Nhận chuyển nhượng của gia đình ông Lường Văn D và bà Chang Thị P vào năm 2014 (theo HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/10/2014).

+ Thửa đất số 208 có diện tích 248 m^2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Nhận chuyển nhượng của gia đình ông, bà Lường Văn T5 và Vì Thị H8 năm 2014. (thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

+ Thửa đất có diện tích 160 m^2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc do vợ chồng khai hoang, tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Trên đất có 01 nhà xưởng cấp IV, 05 gian (thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

+ Các vật dụng trong gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế và 01 kệ ti vi; 02 giường gỗ 1,8m; 01 ti vi 32in; 01 điều hòa BTU; 01 tủ đông lạnh 156 lít; 01 tủ lạnh 400 lít; 01 xe máy WAVE; 01 máy giặt; 01 bình nóng lạnh.

- *Nợ phải trả:* Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền 900.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-2015000310, ngày 10/02/2015 được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 302/HĐTC ký ngày 26/12/2012.

Quan điểm của bà H, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả như sau:

- Đề nghị Tòa án công nhận thửa đất số 61.2 và xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99 là tài sản riêng của bà H, hiện nay xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99 bà H đã nhượng cho bà H6 nên đề nghị Tòa án công nhận đây là tài sản của bà H6.

- Đối với tài sản chung gồm: Thửa đất số 1663, thửa đất số 1664, thửa đất có diện tích 248 m^2, thửa đất có diện tích 160 m^2 và các tài sản trên đất bao gồm nhà bếp 02 tầng, nhà kho, nhà xưởng 05 gian, các công trình khác nằm trên đất và các vận dụng bao gồm: 01 bộ bàn ghế và 01 kệ ti vi; 01 giường gỗ 1,8m; 01 ti vi 32in; 01 điều hòa BTU; 01 tủ đông lạnh 156 lít; 01 tủ lạnh 400 lít; 01 xe máy WAVE; 01 máy giặt; 01 bình nóng lạnh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền 900.000.000 đồng và tiền lãi của khoản nợ này, đề nghị tòa giải quyết trên cơ sở giải quyết tài sản chung là thửa đất thửa đất số 1663 và các tài sản trên đất, trách nhiệm trả nợ của bà H và ông M tương ứng với phần tài sản được chia.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Quang M, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông M và bà H đăng ký kết hôn tháng 12/2007 tại UBND phường T, thành phố Đ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Bà H xin ly hôn ông M đồng ý.

Ông M và bà H không có con chung.

Về tài sản và nợ, ông M có ý kiến như sau:

- Ông M có các tài sản riêng gồm:

+ Thửa đất số 1663 là đất ông M nhận chuyển nhượng của gia đình ông Tô Ngọc N, bà Trần Thị L1 từ năm 2003 trên đất có 01 nhà sàn 05 gian.

+ Thửa đất diện tích 160 m^2 là đất ông M nhận chuyển nhượng của gia ông Tô Ngọc N, bà Trần Thị L1 từ năm 2003 cùng thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất 1663 nêu trên (thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Tài sản chung của ông Trương Quang M, bà Nguyễn Thúy H gồm:

+ Thửa đất số 61.2 (sau đây gọi tắt là thửa 61.2); tờ bản đồ 11; địa chỉ: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội; diện tích 1.032 m^2 được Ủy ban nhân dân thị xã T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 742503 ngày 28/12/2012.

+ Thửa đất số 208 có diện tích 248 m^2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Nhận chuyển nhượng của gia đình ông, bà Lường Văn T5 và Vì Thị H8 năm 2014. (thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

+ Thửa đất số 1664 (sau đấy gọi tắt là thửa 1664), tờ bản đồ 361-e diện tích 50,5 m^2 đất ở; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ). Nhận chuyển nhượng của gia đình ông Lường Văn D và bà Chang Thị P vào năm 2014 (theo HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/10/2014).

+ Các vật dụng trong gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế và 01 kệ ti vi; 02 giường gỗ 1,8m; 01 ti vi 32 inch; 01 điều hòa BTU; 01 tủ đông lạnh 156 lít; 01 tủ lạnh 400 lít; 01 xe máy WAVE; 01 máy giặt; 01 bình nóng lạnh.

+ 01 xe ô tô Hyundai Accent, biển kiểm soát 27A-00699.

+ 18 con ngựa.

+ 272 kg cao ngựa.

- *Nợ chung phải trả của ông H, bà M là:* Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền 900.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-2015000310 ngày 10/02/2015. Ngoài khoản nợ này không còn khoản nợ nào khác.

Ngày 20/9/2022, Tòa án nhận được vi bằng số 714/2022/VB-TPLĐD ngày lập 13/9/2022. Vi bằng có nội dung ông Trương Đức Q, trú tại tổ B5 phường P, quận Đ1, thành phố Hà Nội và ông Trương Quang M cùng xác nhận việc ngày 01/10/2010 ông M vay của ông Q số tiền 900.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng bất động sản của gia đình ông Trịnh Thế S1 và bà Khuất Thị L2; địa chỉ thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội. Ngày 01/8/2012, ông M vay của ông Q số tiền 400.000.000 đồng mục đích để mua xe ô tô. Tổng số tiền ông M vay của ông Q là: 1.300.000.000 đồng, tiền lãi của khoản vay này ông M đã thanh toán đầy đủ cho ông Q. Ông M cam kết trả khoản nợ trên cho ông Q vào ngày 20/9/2022.

Quan điểm của ông M, người đại diện theo ủy quyền của ông M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M về việc giải quyết tài sản riêng, tài sản chung và nợ phải trả như sau:

- Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng thửa số 1663, ngôi nhà sàn nằm trên thửa đất 1663 và thửa đất có diện tích 160 m^2 là tài sản riêng của ông M.

- Đối với tài sản chung gồm: Thửa đất số 61.2, thửa đất 208 có diện tích 248 m^2 (BL 492-495), thửa đất số 1664, các công trình trên thửa đất 1663 gồm nhà bếp 02 tầng, 01 nhà kho, 01 nhà xưởng 05 gian và các công trình khác trên thửa đất 160m^2 và các vật dụng gồm: 01 bộ bàn ghế và 01 kệ ti vi; 01 giường gỗ 1,8m; 01 ti vi 32in; 01 điều hòa BTU; 01 tủ đông lạnh 156 lít; 01 tủ lạnh 400 lít; 01 xe máy WAVE; 01 máy giặt; 01 bình nóng lạnh, 01 xe ô tô biển kiểm soát 27A-00699, ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản ngày 16/11/2020, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bao gồm: 18 con ngựa; 272 kg cao ngựa; Thửa đất số 61.2 và 01 xe ô tô biển kiểm soát 27A-00699.

Tại văn bản ngày 17/10/2022, ông M thay yêu cầu, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết các tài sản là: 01 xe ô tô, thửa đất số 61.2. Đối với các tài sản là 18 con ngựa và 272 kg cao ngựa ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với khoản nợ 1.300.000.000 đồng vay của ông Trương Đức Q là khoản nợ riêng, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện B: Ông M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại các văn bản trả lời và tại phiên tòa, ông Lê H4 - người đại diện cho Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201500310 ngày 10/02/2015 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 302/HĐTC ngày 26/12/2012 đã được ký kết giữa Agribank Chi nhánh huyện B và bà Nguyễn Thúy H, ông Trương Quang M: Bà H và ông M hiện có nợ ngân hàng khoản tiền gốc 900.000.000 đồng; dư nợ lãi đến ngày 24/10/2022 là: 281.254.192 đồng. Tổng số tiền gốc + lãi đến ngày 24/10/2022: 1.181.254.192 đồng. Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện B yêu cầu Bà Nguyễn Thúy H và Ông Trương Quang M thực hiện nghĩa vụ trả lãi của Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201500310 từ ngày 25/10/2022 đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu Bà Nguyễn Thúy H và Ông Trương Quang M tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 302/HĐTC ngày 26/12/2012 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện B, bên thế chấp là Bà Nguyễn Thúy H và Ông Trương Quang M

- Tại văn bản trả lời ngày 29/7/2019 (BL 15) và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Việt H5 trình bày:

Thửa đất số 61.2 là do bà H (mẹ ông H5) bán các tài sản tích cóp được khi bố anh còn sống để mua, do ông H5 còn nhỏ nên bà H đứng tên hộ. Bà H đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng thửa đất 61.2 cho ông H5. Do không có chi phí học tập ông H5 đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Kiều Văn T4 và bà Kiều Thị K1, có HKTT tại: Số nhà A7, ngõ D, đường L, xã Đ2, huyện T2, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 3064/2017 ngày 25/9/2017 tại Văn phòng công chứng Nghiêm Văn N1, thành phố Hà Nội. Ông H5 xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, kết quả trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án thông báo cho ông H5 bằng văn bản.

Tại văn bản trả lời 09/11/2018 và ngày 05/8/2019 (BL 04, 12) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H6 trình bày:

Ngày 08/8/2012, bà có cho bà H vay số tiền 500.000.000 đồng mục đích để mua xe ô tô làm phương tiện đi lại và chăm sóc con riêng của bà H. Do thấy bà H không có khả năng thanh toán khoản tiền trên bà H6 đã yêu cầu bà H làm giấy chuyển nhượng xe ô tô biển kiểm soát 27A-00699 với mục đích để trả nợ và bà H6 đã cho bà H thuê lại chiếc xe nên trên. Bà H6 không yêu cầu giải quyết khoản nợ vì giữa bà H6 và bà H đã làm thủ tục chuyển nhượng xe ô tô cho bà H6 để trừ

vào khoản nợ 500.000.000 đồng vay của bà H6. Bà H6 khẳng định đây là tài sản của bà H6, không được chia tài sản là chiếc ô tô này. Vì lý do sức khỏe bà H6 xin vắng mặt trong tất cả các buổi triệu tập của tòa.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27/10/2022 của TAND huyện B, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2, Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 43, khoản 3 Điều 45; Điều 46; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 127, 128, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 410 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 8, khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H được ly hôn với bị đơn ông Trương Quang M.

2. Về con chung: Bà H và ông M không có con chung

3. Về tài sản:

3.1. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2463/2016 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/7/2016 lập tại phòng Công chứng Nghiêm Văn N1; địa chỉ: số 06, thị trấn C5, huyện M4, thành phố Hà Nội về việc bà Nguyễn Thúy H; địa chỉ: tổ dân phố B1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên tặng cho anh Kiều Việt H5; địa chỉ: tổ dân phố B1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên quyền sử dụng thửa đất 61.2, tờ bản đồ số 11; địa chỉ thửa đất: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội; diện tích 1.032 m^2 vô hiệu. Buộc ông Kiều Việt H5 phải trả lại toàn bộ diện tích thửa đất 61.2 cùng các tài sản trên đất nhà ở, nhà phụ, nhà bếp… và cây ăn quả trên đất cho bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M.

3.2. Bà H được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản sau đây:

- 705 m^2 đất trong đó có 50 m^2 đất ONT, 655 m^2 đất CLN thuộc thửa đất số 61.2 ; tờ bản đồ 11; địa chỉ: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội được Ủy ban nhân dân thị xã T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 742503 ngày 28/12/2012 mang tên bà Nguyễn Thúy H. Tứ cận của thửa đất: phía Nam giáp đường đi dài 13m, phía Bắc giáp ngõ nhỏ dài 13,06 m, phía Tây giáp đất nhà anh Tuấn (thửa 63) dài 53,82 m, phía Đông giáp đất nhà ông Minh được chia dài: 54,34 m cùng các công trình xây dựng trên phần đất được chia bao gồm: 01 nhà 02 mái lợp broximang; 01 nhà vệ sinh; 01 nhà bếp lợp broximang; 01 nhà bán mái tường

gạch; 01 bán mái ủ kèo tường bao và cây ăn quả theo phần đất được chia. Giá trị đất và tài sản trên đất là: 133.937.000 đồng.

- Thửa đất số 1664, tờ bản đồ 361-e diện tích; 50,5 m2 đất ở; tứ cận của thửa đất: Phía Bắc giáp đường đất có chiều dài 10,3 m, phía Nam giáp đất nhà Dung Phùng dài 11,6 m, phía Đông giáp thửa 1663 có chiều dài 4,5 m và 0,4 m, phía Tây giáp thửa 195 diện tích 160 m^2 của ông M có chiều dài 4,8 m (Theo sơ đồ chuyển nhượng). Thửa đất 1664 hiện ông M đang quản lý, sử dụng. **Ông M phải có trách nhiệm giao lại thửa đất 1664 cho bà H quản lý và sử dụng.** Giá trị tài sản bà H được chia là: 50.000.000 đồng.

- Các tài sản là vật dụng gia đình gồm: 01 vi ti; 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 kệ ti vi; 01 giường gỗ. Giá trị các tài sản là: 18.800.000 đồng. Các tài sản này hiện ông M đang quản lý, ông M có trách nhiệm giao cho bà H các tài sản này.

- Giá trị thửa đất 1663 và các tài sản trên đất ông M phải thanh toán cho bà H là: 796.698.405 đồng

- Giá trị thửa đất 208 có diện tích 248 m^2 và các tài sản trên đất ông M phải thanh toán cho bà H là: 75.770.929 đồng

- Giá trị tài sản trên thửa đất số 195, tờ bản đồ 361-d, diện tích 160m^2 ông M phải thanh toán cho bà H là: 132.070.489 đồng.

- 75.000.000 đồng giá trị xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99.

Tổng giá trị tài sản bà H được sử dụng, sở hữu là: 1.282.276.823 đồng.

3.3. Ông M được quyền sử dụng đất, quản lý và sở hữu các tài sản sau đây:

- Thửa đất số 1663, tờ bản đồ 361-e diện tích 456,5 m2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 407814 được UBND huyện B cấp ngày 01/9/2010 mang tên Trương Quang M và Nguyễn Thúy H. Hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 302/HĐTC ngày 26/12/2012. Trên đất có các tài sản: 01 nhà sàn, 01 nhà bếp, nhà kho và các công trình trên đất. Giá trị tài sản ông M sử dụng, sở hữu sau khi thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà H là: 1.531.365.073 đồng. *(Thửa đất và tài sản trên đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng).*

- Thửa đất thửa đất số 195, tờ bản đồ 361-d, diện tích 160m^2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên thửa đất có 01 nhà cấp 4, 05 gian. Giá trị tài sản sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho bà H là: 228.070.489 đồng. *(Thửa đất và tài sản trên đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng).*

- Thửa đất 208 có diện tích 248 m^2 địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Thửa đất này phía Bắc giáp đất bà Tâm có chiều rộng 10,9 m và 6,2 m, phía Nam giáp đất ông bà Thoan Hiêng dài: 17,3 m, phía Đông giáp thửa 160 m^2 của ông M dài: 10,5 m, phía Tây giáp sông Nậm Rốm dài: 17,4 m. Trên đất có

01 chuồng gà và nhà vệ sinh. Giá trị tài sản sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho bà H là: 75.770.929 đồng. *(Thửa đất và tài sản trên đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng).*

- Các vật dụng gia đình: 01 xe máy Wave BKS: 27H1-5769; 01 máy giặt; 01 bình nóng lạnh; 01 tủ lạnh 156 lít, 01 tủ đông lạnh. Giá trị tài sản ông M được sở hữu là: 18.000.000 đồng.

- 01 phần thửa đất 61.2 có diện tích là: 327m^2, trong đó có 50m^2 đất ONT và 277m^2 đất CLN cùng các trình trên đất bao gồm tường bao và cây ăn quả theo phần đất được chia, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 742503 ngày 28/12/2012 mang tên bà Nguyễn Thúy H. Tứ cận của thửa đất: Phía Nam giáp đường đi dài 6,0m, phía Bắc giáp ngõ nhỏ dài 4,71 và 1,33m, phía Tây giáp đất bà H được chia dài: 54,34 m, phía Đông giáp đất nhà ông bà Sang, Lãng dài 54,4m, có diện tích 327m^2 trong đó đất có 50 m^2 đất ONT và 277 m^2 đất CLN cùng các tài sản trên đất bao gồm tường bao và cây ăn quả theo phần đất được chia. Giá trị tài sản ông M được chia là: 96.801.000 đồng.

- 50.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản của thửa đất 1664 và 75.000.000 đồng tiền chênh lệch tài sản của xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99 bà H phải thanh toán cho ông M.

Tổng giá trị tài sản ông M được sử dụng, sở hữu là: 1.950.008.291 đồng.

3.4. Về nghĩa vụ thanh toán tiền chệnh lệch tài sản:

- Ông M phải thanh toán cho bà H tiền chênh lệch tài sản là: 1.004.539.823 đồng. Đối trừ khoản tiền chênh lệch tài sản bà H phải trả cho ông M là: 125.000.000 đồng, ông M còn phải thanh toán cho bà H số tiền là: 879.539.823 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền phải thanh toán cho bà H thì ông M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.5. Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99 thuộc sở hữu của bà Lê Thị H6 *(hiện chiếc xe bà H6 đang cho bà H thuê sử dụng).*

4. Về nợ phải trả:

- Ông M phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền: 450.000.000 đồng tiền gốc + 140.627.096 đồng tiền lãi. Tổng là: 590.627.096 đồng.

- Bà H phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền: 450.000.000 đồng tiền gốc + 140.627.096 đồng tiền lãi. Tổng là: 590.627.096 đồng.

- Bà H và ông M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201500310 từ ngày 25/10/2022 đến khi hoàn thành hết nghĩa

vụ trả nợ. Bà H và ông M phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 302/HĐTC ngày 26/12/2012.

- Đình chỉ không xem xét giải quyết khoản nợ 1.300.000.000 đồng của ông Trương Đức Q. Ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu này đối với ông Trương Quang M bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 07/11/2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H; ông Phan Văn L - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà H, ông L kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên; giao cho Tòa án nhân dân huyện B xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo ngày 09/11/2022 của bị đơn ông Trương Quang M kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên theo hướng:

- Công nhận tài sản riêng của ông Trương Quang M đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 456,5m^2 và tài sản là ngôi nhà sàn gỗ gắn liền trên đất tại thửa đất số 1663, tờ bản đồ 361-e, Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB407814 do UBND huyện B cấp ngày 01/9/2010 và đề nghị Tòa án không chia tài sản này.

- Đề nghị Tòa án chia đôi quyền sử dụng đất có diện tích 1.032m^2 (thửa 61.2) tại Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội (gồm 932m^2 đất trồng cây lâu năm và 100m^2 đất ở), mỗi người được chia một nửa tài sản, tương ứng là 516m^2 đất bao gồm 50m^2 đất ở và 466m^2 đất vườn.

- Công nhận tài sản là bộ bàn ghế và kệ ti vi là tài sản riêng của ông M.

- Yêu cầu chia giá trị chiếc xe máy Biển kiểm soát 27H1 3788 do bà H quản lý, sử dụng là tài sản chung được mua trong thời kỳ hôn nhân.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 10/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên kháng nghị một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên; phân chia tài sản là quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng thửa đất số 61.2, tờ bản đồ số 11, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 742503 tại Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, ông Phan Văn L người đại diện theo uỷ quyền của bà H, bị đơn ông Trương Quang M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H7 - người đại diện theo ủy quyền của ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1 trình bày: Việc ông T4, bà K1 nhận chuyển nhượng đất là ngay tình, hợp pháp, đã được Sở TN&MT thành phố Hà Nội cấp GCNQSDĐ, do đó phải được pháp luật bảo vệ. Đại diện cho ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1, bà không đồng ý tham gia vào vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, hủy một phần bản án sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên (phần chia tài sản); chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung để ông T4, bà K1 được tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông T4, bà K1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K, ông Lê Đình T, bà Triệu Thị H trình bày: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm như: bỏ sót người tham gia tố tụng (không đưa ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1 và Văn phòng công chứng Nghiêm Văn N1 thành phố Hà Nội vào tham gia tố tụng); không xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ; quá trình xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không đúng quy định của pháp luật; vận dụng sai các quy định của pháp luật; quyết định của bản án không xem xét đến quyền lưu trú của nguyên đơn; tuyên án khó thi hành. Do đó, bà K, ông T, bà H đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nghiêm Quang T2 trình bày: Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 456,5m^2 và ngôi nhà sàn gỗ gắn liền trên đất tại thửa đất số 1663; bộ bàn ghế và kệ ti vi là tài sản riêng của ông M (do thửa đất số 1663 là đất ông M nhận chuyển nhượng của gia đình ông Tô Ngọc N, bà Trần Thị L1 từ năm 2003 trên đất có 01 nhà sàn 05 gian; bộ bàn ghế và kệ ti vi là của anh trai cho ông M). Đề nghị Tòa án chia đôi quyền sử dụng đất diện tích 1.032m^2 (thửa 61.2) tại Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội (gồm 932m^2 đất trồng cây lâu năm và 100m^2 đất ở), mỗi người được chia một nửa tài sản, tương ứng là 516m^2 đất bao gồm 50m^2 đất ở và 466m^2 đất vườn. Yêu cầu Tòa án chia giá trị chiếc xe máy Bella Biển kiểm soát 27H1 3788 do bà H quản lý, sử dụng là tài sản chung được mua trong thời kỳ hôn nhân. Từ những đề nghị nêu trên, ông Trường đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án đến ban hành, tống đạt các văn bản tố tụng đã đảm bảo đúng

quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên rút toàn bộ kháng nghị, đề nghị HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 10/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2, 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của BLTTDS: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ không xem xét giải quyết khoản nợ 1.300.000 đồng của ông Trương Đức Q; sửa bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M; hủy phần chia tài sản và giải quyết nợ của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện B, tỉnh Điện Biên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và việc rút kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

Ngày 07/11/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H; ông Phan Văn L - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

Ngày 09/11/2022 bị đơn ông Trương Quang M kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

Việc kháng cáo của bà H, ông Lân và ông M được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Bà H, ông L và ông M đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thúy H, ông Phan Văn Lân và ông Trương Quang M là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để tiến hành xem xét nội dung đơn kháng cáo của bà H, ông L và ông M.

Ngày 10/11/2022 Viện trưởng VKSND huyện B, tỉnh Điện Biên kháng nghị một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, kháng nghị được thực hiện trong thời hạn quy định tại Điều 280 của BLTTDS nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên rút toàn bộ nội dung kháng nghị và đề nghị HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 10/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289 của BLTTDS nên HĐXX chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Việt H5, ông Trương Đức Q, bà Lê Thị H6, ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1, đại diện Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam ông Lê H4 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Tuấn H1, bà Phạm Thị H2, bà Trịnh Thị T1, bà Đinh Thị S - người đại diện theo ủy quyền của ông T4, bà K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa (Ông H5, ông Q, bà H6 vắng mặt có lý do). Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo và nội dung kháng nghị:

[2.1.] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H: *Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Do Quyết định giám đốc thẩm số 13/2017/HNGĐ-GĐT ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2016 của TAND thành phố Đ nên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H và bị đơn ông Trương Quang M là đúng quy định của pháp luật.

Thực tế bà H ông M đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện B, bà H và ông M đều nhất trí, thuận tình về việc ly hôn, không có ý kiến gì khác. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M.

Đối với khoản nợ 1.300.000.000 đồng của ông Trương Đức Q: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông M công nhận khoản nợ 1.300.000.000 đồng với ông Trương Đức Q là khoản nợ riêng và không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ không xem xét giải quyết khoản nợ này là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B của bà Nguyễn Thúy H, ông

Phan Văn L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H và bị đơn ông Trương Quang M về phần chia tài sản và giải quyết nợ chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tài sản bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M đang tranh chấp gồm:

- Thửa đất số 61.2; tờ bản đồ 11; địa chỉ: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội; diện tích 1.032 m^2 được Ủy ban nhân dân thị xã T3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 742503 ngày 28/12/2012, mang tên bà Nguyễn Thúy H. Trên đất có 01 nhà 02 mái lợp broximang, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà bếp lợp broximang, các công trình xây dựng khác trên đất và cây trồng trên đất (BL 1010-1012, biên bản thẩm định, định giá tài sản).

- Thửa đất số 1663, tờ bản đồ 361-e diện tích 456,5 m2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 407814 được UBND huyện B cấp ngày 01/9/2010 mang tên Trương Quang M và Nguyễn Thúy H. Trên đất có 01 nhà sàn, 01 nhà bếp, nhà kho và các công trình trên đất (BL 417-420; BB xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/9/2019). Thửa đất và tài sản trên đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 1664, tờ bản đồ 361-e diện tích 50,5 m^2 đất ở; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Thửa đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 195, tờ bản đồ 361-d, có diện tích 160 m^2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Trên đất có 01 nhà xưởng cấp IV, 05 gian. Thửa đất và tài sản trên đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 208 có diện tích 248 m^2; địa chỉ: Thôn C1, xã A, huyện B, tỉnh Điện Biên. Trên đất có 01 chuồng gà và nhà vệ sinh. Thửa đất và tài sản trên đất hiện ông M đang quản lý, sử dụng.

- Xe ô tô biển kiểm soát 27A-006.99, hiện bà Lê Thị Huệ trú tại khối 6, thị trấn M1, huyện M1 đang quản lý, sử dụng.

- Các vật dụng trong gia đình bao gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 8.000.000 đồng; 01 vi ti trị giá: 4.000.000 đồng; 01 kệ ti vi 6.000.000 đồng; 01 giường gỗ trị giá: 800.000 đồng; 01 tủ đông lạnh 400 lít trị giá 4 triệu đồng; 01 tủ lạnh 156 lít trị giá: 1.500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá: 1.500.000 đồng; 01 bình nóng lạnh trị giá: 2.000.000 đồng; 01 xe máy WaVe BKS: 27H1-5769 trị giá: 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông M đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản là chiếc xe máy Bella, tuy nhiên tài sản này chưa được xem xét ở Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Về nợ: Ông M và bà H nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền 900.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8903-LAV - 2015000310 ký ngày 10/02/2015 được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 302/HĐTC ký ngày 26/12/2012; dư nợ lãi đến ngày 24/10/2022

là: 281.254.192 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi đến ngày 24/10/2022: 1.181.254.192 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà H khai đã làm thủ tục tặng cho và sang tên đối với thửa đất số 61.2; tờ bản đồ 11; địa chỉ tại Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội; diện tích 1.032 m^2 cho con trai là Kiều Việt H5 tại Hợp đồng tặng cho số 2463/2016 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/7/2016 (BL 332-336A) tại Văn phòng công chứng Nghiêm Văn N1; địa chỉ: thị trấn C5, huyện M4, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hưng khai: Để trang trải tiền học phí và chi phí ăn học, ông H5 đã chuyển nhượng thửa đất số 61.2 cho người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông H5 cung cấp cho Tòa án họ tên, địa chỉ của người đã nhận chuyển nhượng lại thửa đất này, tuy nhiên ông H5 không cung cấp và nói rằng ông không lưu giữ các thông tin về người ông H5 đã chuyển nhượng thửa đất này.

Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thị xã T3, thành phố Hà Nội về việc thu thập tài liệu chứng cứ đối với thửa đất 61.2 tại Văn phòng đăng ký đất đai (Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) thị xã T3, Hà Nội và Văn phòng công chứng Xuân Mai (BL 181), tuy nhiên không có thông tin chính xác về việc hiện nay ai là người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 61.2 tại Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Kiều Việt H5 đã cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3064/2017 ngày 25/9/2017 giữa ông Kiều Việt H5 và ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1.

Ngày 21/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên ra Thông báo số 38/TB-TA bổ sung ông Kiều Văn T4 và bà Kiều Thị K1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 31/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được văn bản ghi ý kiến về vụ án đề ngày 28/3/2023 của ông Kiều Văn T4 với bà Kiều Thị K1 với nội dung: Thửa đất số 61.2, tờ bản đồ số 11 diện tích 1032m^2 tại địa chỉ Thôn L2, xã C4, thị xã T3, thành phố Hà Nội ông T4 bà K1 nhận chuyển nhượng của ông Kiều Việt H5 từ năm 2017 với giá chuyển nhượng là 200 triệu đồng. Thửa đất này ông bà đã được cấp GCNQSDĐ và quản lý, sử dụng ổn định 05 năm. Ông bà không đồng ý việc TAND huyện B lấy nhà đất của ông bà mang chia cho người khác, xâm phạm tới quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của ông, bà. Ông bà không đồng ý tham gia vào vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, bà.

Ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được tài liệu ông T4, bà K1 cung cấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 582505 đối với thửa đất số 61-2, tờ bản đồ số 11; địa chỉ: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, Hà Nội, diện tích 1032m^2 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2017, số vào sổ cấp GCN: CS-ST 06437 mang tên ông Kiều Văn T4, bà Kiều Thị K1.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ông H5 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T4, bà K1 là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm. Việc đưa ông T4, bà K1 vào tham gia tố tụng và thu thập các tài liệu mới có liên quan đến thửa đất 61.2 là cần thiết, đảm bảo việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, chính xác, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do tài sản đang tranh chấp giữa bà H và ông M phát sinh tình tiết mới và không thể thực hiện bổ sung tài liệu, chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết vấn đề chia tài sản và giải quyết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng nhà và đất đang thế chấp ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B là tài sản lớn nhất trong khối tài sản chung của vợ chồng, bị đơn cho rằng thửa đất số 61-2, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.032m^2; địa chỉ: Thôn L2, xã C4, thị xã T3, Hà Nội là tài sản lớn nhất trong khối tài sản chung của vợ chồng. Do đương sự xác định đây là các tài sản lớn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa được tham gia tố tụng và cần phải xem xét, xác định phân chia lại tài sản chung, tài sản riêng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, cần phải hủy các quyết định của bản án sơ thẩm về phần chia tài sản và giải quyết nợ, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2.3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn L và quan điểm của VKSND tỉnh Điện Biên; không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Trương Quang M:

- Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ không xem xét giải quyết khoản nợ 1.300.000.000 đồng của ông Trương Đức Q.

- Sửa bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thúy H và ông Trương Quang M.

- Hủy phần chia tài sản và giải quyết nợ của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện B, tỉnh Điện Biên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Do bản án sơ thẩm bị hủy một phần, hồ sơ vụ án được chuyển cho Tòa án nhân dân huyện B giải quyết lại nên chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí :

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn: Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Nguyễn Thúy H phải chịu 100.000 đồng án phí. Tại Quyết định thuận tình ly hôn số 29/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, bà H phải chịu 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào khoản tiền 200.000 bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/09783 ngày 12/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, trả lại cho bà H 100.000 đồng. Ngày 03/02/2016, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ đã trả lại cho bà H 100.000 đồng. (bà H đã nộp đủ).

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do bản án sơ thẩm bị hủy, hồ sơ vụ án được chuyển cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên giải quyết lại nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5.3] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Nguyễn Thúy H, ông Phan Văn L, ông Trương Quang M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H, ông Lân, ông M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3, 5 Điều 308; khoản 1 Điều 310; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2, 3 Điều 148/BLTTDS; khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án ; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn L; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trương Quang M ; chấp nhận việc rút kháng nghị của VKSND tỉnh Điện Biên ;

Tuyên xử:

1. Sửa quyết định về phần quan hệ hôn nhân của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H và bị đơn ông Trương Quang M.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên về việc đình chỉ không xem xét giải quyết khoản nợ 1.300.000.000 đồng của ông Trương Đức Q. Ông Q có quyền khởi kiện yêu cầu này đối với ông Trương Quang M bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 10/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên.

4. Hủy quyết định phần chia tài sản và giải quyết nợ của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Điện Biên. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện B, tỉnh Điện Biên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Do bản án sơ thẩm bị hủy một phần, hồ sơ vụ án được chuyển cho Tòa án nhân dân huyện B giải quyết lại nên chi phí tố tụng sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

6. Về án phí :

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thúy H phải chịu 100.000 đồng án phí (bà H đã nộp đủ).

6.2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

6.3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thúy H, ông Phan Văn Lân 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005084 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Điện Biên.

- Trả lại cho ông Trương Quang M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005083 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Điện Biên.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án **(Ngày 20/4/2023).**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện B;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự; LS;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Đoàn